

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/HS-ST

Ngày: 13/02/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Đính

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Như Quang

2. Ông RChâm Dương

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Thành Long - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Hùng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 13/02/2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai, Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 43/2019/TLST-HS ngày 19 tháng 12 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2019/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 12 năm 2019 đối với bị cáo: Nguyễn Thị T; Giới tính: Nữ; Sinh năm: 1956, tại Quảng Ngãi; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ B, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai; Chỗ ở trước khi phạm tội: Làng K, xã D, huyện G, tỉnh Gia Lai; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 01/12; Nghề nghiệp: Buôn bán; Con ông Nguyễn T1 (đã chết) và bà Huỳnh Thị K; Bị cáo chồng là Nguyễn Quang N và 09 con (Lớn sinh năm 1981, nhỏ sinh năm 1995); Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giữ từ ngày 11/9/2019 đến ngày 19/9/2019 được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Anh Siu P; Sinh năm: 1996; Địa chỉ cư trú: Làng P, xã M, huyện I, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

2. Chị Nguyễn Thị Gái T2; Sinh năm: 1983; Địa chỉ cư trú: Làng K, xã D, huyện G, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 11/9/2019, bị cáo Nguyễn Thị T ở nhà tại làng K, xã D, huyện G, tỉnh Gia Lai thì có anh Siu P đến ghi số đề với số 61 đá 18, 5 điểm số tiền là 120.000 đồng, ghi cho anh Nguyễn Tấn T3 số 83x10 số tiền là 14.000 đồng. Sau khi ghi số đề cho T3 và P, đến 17 giờ 55 phút thì bị cáo T bị Công an huyện G phát hiện bắt quả tang. Bị cáo T thừa nhận ngoài việc ghi số đề cho anh T3 và anh P thì trong ngày 11/9/2019 bị cáo còn ghi số đề cho một số người không rõ lai lịch, các số đề như sau: Tổng cộng có 10 lượt số đánh đầu đuôi với tổng số tiền 390.000 đồng,

sau khi trừ khuyến mãi bị cáo thực nhận của người chơi là 324.000 đồng; Tổng cộng có 18 lượt số đánh bao lô, 02 lượt đánh đá với tổng số tiền 3.078.000 đồng, sau khi trừ khuyến mãi bị cáo thực nhận của người chơi 2.308.000 đồng; Tổng cộng có 04 lượt đánh bao lô ba số là với tổng số tiền là 374.000 đồng, trong đó bị cáo thực nhận là 275.000 đồng. Bị cáo T cũng thừa nhận ghi số đề với các hình thức là đánh đầu đuôi, đánh bao lô, đánh bao lô ba chân hay còn gọi là đánh “ba càng” và đã dựa trên kết quả xổ số các tỉnh Miền Trung và Tây Nguyên (thường gọi là đài Nam) được công bố vào các ngày trong tuần theo thứ tự từ thứ 2 đến chủ nhật hàng tuần là kết quả xổ số kiến thiết của các tỉnh Phú Yên, Đắk Lắk, Khánh Hoà, Bình Định, Gia Lai, Quảng Ngãi và Khánh Hoà. Riêng ngày 11/9/2019, bị cáo T có nhận thêm số lô đề của xổ số kiến thiết miền Bắc. Các hình ghi lô đề cụ thể: Đánh đầu đuôi: là đánh 02 số của giải tám và 02 số cuối cùng của giải đặc biệt, đầu được xác định là 02 số của giải tám, đuôi là 02 số cuối của giải đặc biệt trong bảng kết quả xổ số. Tỷ lệ thắng thua của đánh đầu đuôi là 1 ăn 70 (đơn vị tính là nghìn đồng); Đánh bao lô: là người chơi đánh (bao) 02 số cuối cùng của tất cả các giải trên bảng kết quả xổ số chính trong ngày (có 18 lô) và tỷ lệ ăn thua là 1 ăn 70 lần (đơn vị tính là nghìn đồng). Nếu người chơi đánh bao lô 02 chữ số với số tiền là 1000 đồng thì phải trả cho T là 18.000 đồng nhưng để khuyến khích cho người chơi thì T chỉ lấy số tiền người chơi đánh nhân với 13,5 để tính số tiền người chơi phải trả; Đánh bao lô ba chân: Người chơi sẽ đánh 03 chữ số là hàng trăm, hàng chục và hàng đơn vị của bảy giải (từ giải bảy đến giải đặc biệt vì giải tám chỉ có 02 chữ số). Số tiền khách đưa cho T được tính đơn vị nghìn đồng nhân với 17 lần và được trừ đi tiền hoa hồng khuyến mãi cho khách nên số tiền T thực nhận của khách chỉ nhân với 12,5 lần. Số tiền thắng sẽ là số lần xuất hiện của ba chữ số theo đúng vị trí đã người chơi đã chọn nhân với số tiền người chơi đã bỏ ra chơi 500 lần; Đánh theo hình thức đá: Người chơi chọn 02 chữ số, đây là số hàng chục và hàng đơn vị trong tám giải trong kết quả xổ số của đài đã chọn. Số tiền mà người chơi đưa cho T bằng hai lần đánh lô 2 chân và được trừ đi tiền khuyến mãi cho người chơi. Người chơi thắng nếu trong kết quả xổ số cùng xuất hiện hai cặp số mà người chơi đã chọn. Số tiền người chơi thắng sẽ bằng số tiền người chơi đánh nhân với 500 lần.

Khi bị bắt quả tang, bị cáo T đang ghi số đề là 17 giờ 55 phút thời điểm này đã có kết quả xổ số kiến thiết tỉnh Khánh Hòa, nên đối chiếu ra các số trúng là số 30 bao lô 5 điểm, số 35 bao lô 10 điểm, số 91 bao lô 5 điểm, số 86 bao lô 5 điểm với tổng số tiền trúng là 1.750.000 đồng, do đó số tiền này được xác định là tiền bị cáo T đánh bạc

Tổng số tiền bị cáo T đánh bạc vào ngày 11/9/2019 theo kết quả xổ số kiến thiết tỉnh Khánh Hòa là $3.842.000 + 1.750.000 = 5.592.000$ đồng. Số tiền bị cáo hưởng lợi bất chính là số tiền đã thực nhận của những người chơi là 2.907.000 đồng – 1.750.000 đồng tiền trúng đã trả cho người chơi = 1.157.000 đồng. Ngoài ra, trong ngày 11/9/2019 bị cáo còn ghi số đề theo kết quả của xổ số kiến thiết miền Bắc số 83 bao lô 10 điểm; số 61 đá 18, 5 điểm; 78 bao lô 5 điểm với tổng số tiền là 675.000 đồng, sau khi trừ đi tiền khuyến mãi thì bị cáo thực nhận là 575.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền bị cáo đánh bạc là 5.592.000 đồng + 675.000 đồng = 6.267.000 đồng; Số tiền bị cáo hưởng lợi bất chính là 1.157.000 đồng + 575.000 đồng = 1.732.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 02/CTr-VKS ngày 19/12/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai truy tố bị cáo Nguyễn Thị T về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T từ 06 - 12 tháng tù cho hưởng án treo. Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu số tiền bị cáo T dùng để đánh bạc là 1.732.000 đồng và 128.000 thu của bị cáo nhưng bị cáo không yêu cầu nhận lại; tịch thu số tiền thu giữ của Nguyễn Tấn T3 là 14.000 đồng, thu giữ của Siu P là 120.000 đồng do họ đều không yêu cầu nhận lại để sung vào công quỹ Nhà nước.

Bị cáo nói lời nói sau cùng, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị T công nhận vào ngày 11/9/2019 đã thực hiện hành vi đánh bạc bằng hình thức ghi số đề với số tiền đánh bạc theo kết quả xổ số kiến thiết tỉnh Khánh Hòa là 5.592.000 đồng và đánh theo kết quả xổ số miền Bắc là 675.000 đồng, tổng cộng là 6.267.000 đồng và thu lợi bất chính được số tiền là 1.732.000 đồng như Cáo trạng Viện kiểm sát đã nêu.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các chứng cứ, tài liệu đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Như vậy, có đủ căn cứ kết luận hành vi bị cáo Nguyễn Thị T đã phạm vào tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai truy tố bị cáo theo tội danh nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Trong quá trình Điều tra, truy tố, xét xử, hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đều đúng quy định của pháp luật.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm một cách bất hợp pháp đến trật tự công cộng xã hội được pháp luật bảo vệ. Do vậy cần xử phạt nghiêm mới có tác dụng răn đe, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung.

[5] Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Thị T có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng nên Hội đồng xét xử cho bị cáo hưởng án treo để tự cải tạo dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương.

[7] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo đã lớn tuổi, làm nghề buôn bán nhỏ thu nhập không ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền.

[8] Về xử lý vật chứng: Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu để sung vào công quỹ nhà nước số tiền dùng vào việc phạm tội, thu lợi bất chính và tiền thu giữ nhưng chủ sở hữu không yêu cầu nhận lại là số tiền thu của bị cáo T là 1.860.000 đồng, của anh T3 là 14.000 đồng, của anh P là 120.000 đồng, tổng cộng là 1.994.000 đồng. Đối với 01 chiếc điện thoại di động hiệu NOKIA 1010 màu xanh là tài sản của chị Nguyễn Thị Gái T2 không liên quan đến tội phạm nên Cơ quan điều tra sau khi thu giữ đã trả lại cho chị T2 là đúng, tại phiên tòa chị T2 không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với 01 quyển vở ô ly hiệu “Xitrum”, 02 tờ lịch nhỏ, 01 giấy nhỏ có ghi các chữ số đây là các công cụ T sử dụng vào việc phạm tội được lưu vào hồ sơ vụ án làm chứng cứ.

[9] Đối với Nguyễn Tấn T3 là người đánh bạc với số tiền ghi số đề và trúng số đề là 800.000 đồng, chưa đủ định lượng để cấu thành tội “Đánh bạc” nên bị xử lý hành chính theo khoản 1 Điều 26 Nghị định 167/2013NĐ-CP. Tuy nhiên, quá trình điều tra đã tiến hành xác minh nhưng chưa xác định được nhân thân lý lịch nên Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh để xử lý theo quy định; Đối với anh Siu P là người đánh bạc với số tiền ghi số đề và trúng số đề là 270.000 đồng, chưa đủ định lượng để cấu thành tội “Đánh bạc”. nên bị Cơ quan điều tra xử lý hành chính theo khoản 1 Điều 26 Nghị định 167/2013NĐ-CP là đúng quy định của pháp luật.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị T phạm tội “Đánh bạc”

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T 06 (Sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (Mười hai) tháng, tính từ ngày tuyên án (Ngày 13/02/2020).

Giao bị cáo Nguyễn Thị T về cho Ủy ban nhân dân phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp bị cáo Nguyễn Thị T thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

Tịch thu để sung vào công quỹ nhà nước số tiền thu của bị cáo Nguyễn Thị T là 1.860.000 đồng (Một triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng), thu của anh Nguyễn Tấn T3 là 14.000 đồng (Mười bốn nghìn đồng), thu của anh Siu P là 120.000 đồng (Một trăm hai mươi nghìn đồng). Tổng cộng là 1.994.000 đồng (Một triệu chín trăm chín mươi bốn nghìn đồng) hiện đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Gia Lai. (Theo biên

bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 13/02/2020 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G, tỉnh Gia Lai và Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Gia Lai).

- Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí lệ, phí Tòa án,

Buộc bị cáo Nguyễn Thị T phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (13/02/2020). Người vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện G;
- Công an huyện G ;
- Bị cáo; Người có QLNVLQ;
- UBND phường H;
- UBND xã D;
- Sở Tư pháp Gia Lai;
- Cổng thông tin điện tử TANDTC;
- Lưu HSVA; THAHS, THADS;

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(ĐÃ KÝ)**

Lê Văn Đính